

Bản án số: 1100 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v “ Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Việt Dũng

2/ Ông Vũ Trung Kiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 851/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10/10/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: 487 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ tạm trú: 149/67/16 đường V, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hòa B, sinh năm 1980;

Hộ khẩu thường trú: 588 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ tạm trú: 149/67/16 đường V, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Như Q trình bày: Bà và ông Trần Hòa B tự nguyện chung sống vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Trích lục kết hôn số 247/TLKH-BS, ngày 14/8/2019. Sau khi kết hôn bà và ông B vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Trong thời gian chung sống bà và ông B thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Bà và ông B nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng giữa ông bà không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà và ông B đã sống ly thân kể từ thời điểm bà nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/12/2010 và Trần Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Ly hôn bà đồng ý giao cả 02 con cho ông Trần Hòa B nuôi và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Q khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q khai hai bên không có nợ chung.

Bị đơn – ông Trần Hòa B trình bày:

Ông B thống nhất ý kiến về thời gian chung sống, kết hôn như bà Q trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn ông cho rằng do bà Q có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng có những bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã khiến cho tình cảm không còn. Nay bà Q yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/12/2010 và Trần Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Ly hôn ông đồng ý nuôi hai con và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông B khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B khai hai bên không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải ngày 12/9/2019, ông B đồng ý thuận tình ly hôn với bà Q. Các bên đã thống nhất nội dung như sau: Về quan hệ nhân thân: Bà Nguyễn Thị Như Q và ông Trần Hòa B thuận tình ly hôn; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Như Q đồng ý giao 02 con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 01/12/2010 và Trần Gia B, sinh ngày 24/02/2015 cho ông Trần Hòa B nuôi, bà Q không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: hai bên khai không có.

Ngày 17/9/2019, ông Trần Hòa B có đơn xin thay đổi ý kiến về việc ông không chấp nhận ly hôn. Nội dung đơn ông B mong muốn vợ chồng hòa thuận để nuôi dạy con chung trưởng thành.

Ngày 24/9/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hòa B, về con chung bà đồng ý giao cho ông B nuôi cả 02 con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung bà yêu cầu tự thỏa thuận, về nợ chung hai bên không có nợ chung. Bị đơn ông Trần Hòa B vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà Q, ông muốn hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình để chăm sóc con chung. Nếu phải ly hôn thì ông đồng ý

nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng, về tài sản chung ông yêu cầu tự thỏa thuận, về nợ chung hai bên không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn, ông Trần Hòa B có ý kiến trình bày như sau: Ông đồng ý ly hôn với bà Q vì hiện tại ông cũng đã chuyển trường cho 02 con chung về Huế sinh sống với ông. Ông đồng ý nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng, tài sản chung giữa ông và bà Q sẽ tự thỏa thuận, về nợ chung ông và bà Q không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q có đơn yêu cầu ly hôn ông Trần Hòa B. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q, bị đơn ông Trần Hòa B.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Trần Hòa B hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 247/TLKH-BS, ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Thành phố Huế thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Như Q và ông Trần Hòa B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệt.

Nguyên đơn bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; Tại phiên tòa ông B đồng ý ly hôn với bà Q và không có yêu cầu tranh chấp gì. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà Q và ông B khai ông bà có 02 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/12/2010 và Trần Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Khi ly hôn bà Q đồng ý giao 02 con chung cho ông B nuôi, bà Q không cấp dưỡng nuôi con. Phía ông B cũng đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng. Xét thỏa thuận giữa bà Q và ông B không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Q do ông B chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Q và bị đơn ông B yêu cầu tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn bà Q và bị đơn ông B khai hai bên không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Như Q được ly hôn ông Trần Hòa B.

Về quan hệ con chung: Giao cho ông Trần Hòa B được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 01/12/2010 và Trần Gia B, sinh ngày 24/02/2015, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Q do ông B không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Như Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Như Q và ông Trần Hòa B yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Như Q và ông Trần Hòa B khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Như Q nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039056 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc